TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2017/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 9 năm 2017
V/v Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ,TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Hà Vĩnh

2. Ông Nguyễn Đức Túc

Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Quốc Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Lô.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Sông Lô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/ 2017/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2017 về việc tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2017/QĐST - HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Vũ Ngọc Y, sinh năm 1982, (có mặt)

2.Bị đơn: Anh Nguyễn Anh B, sinh năm 1981, (vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn X, xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc

3.Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V

Địa chỉ: Số 4 L, Quận B, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K- Chủ tịch Hội đồng thành viên

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn T- Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V– Chi nhánh huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ: Thị trấn T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ông Dương Văn T ủy quyền lại cho chị Hà Thị Ngọc Á- Phó trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V - Chi nhánh huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia tố tụng

(theo giấy ủy quyền số 90/NHNo-SL ngày 21/4/2017 của Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V - Chi nhánh huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc),

(vắng mặt).

-Quỹ Tín dụng nhân dân thị trấn L

Địa chỉ: Thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ngọc M- Chủ tịch Hội đồng quản trị, (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1974, (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 3 năm 2017, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Vũ Ngọc Y trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Anh B ngày 26/10/2007. Quá trình vợ chồng chung sống được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, ngày 06/3/2017 do mâu thuẫn vợ chồng chị đã giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Sông Lô chị và anh B chỉ giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung. Về phần tài sản và công nợ, công sức không đề nghị tòa án giải quyết. Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 19/2017/QĐ-HNGĐ ngày 06/3/2017 công nhận thuận tình ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Anh B. Về con chung: Chị Vũ Ngọc Y trực tiếp nuôi hai con chung Nguyễn Phúc Minh C, sinh 06/6/2008, Nguyễn Phúc C, sinh ngày 03/8/2012, hiện đang ở cùng chị. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Y. Không ai được ngăn cản quyền thăm nuôi con. Nay do có nhu cầu sử dụng tài sản nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sông Lô chia tài sản chung của vợ chồng gồm có diện tích đất 100m^2 (trong đó 50m^2 đất ở, 50m^2 đất vườn) tại thôn X, xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 70.3, tờ bản đố số 26 ngày 23/5/2013 đứng tên Vũ Ngọc Y, nhà cấp bốn ba gian cũ (hiện anh B đang quản lý sử dụng). Về công nợ: vợ chồng vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V – Chi nhánh huyện S 90.000.000đ và lãi suất theo hợp đồng tín dụng số: 2805-144019000/HĐTD/2016 ngày 17/5/2016 (đã trả 15.000.000đ còn 75.000.000đ), vay Quỹ tín dụng thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc 50.000.000đ và lãi suất theo hợp đồng tín dụng số: 002495/HĐTD ngày 31/10/2016, chị Nguyễn Thị M (chị gái anh B) 10.000.000đ; trú tại: thôn N, xã Đ, huyện Lh, tỉnh Vĩnh Phúc. Nay chị để anh B sử dụng toàn bộ tài sản và trả toàn bộ số công nợ không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị.

Về tài sản riêng: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Anh B tại phiên tòa vắng mặt anh có đơn xin xét xử vắng mặt, quá trình giải quyết anh trình bày: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, ly hôn như chị Y trình bày là đúng. Về tài sản chung vợ chồng gồm có diện tích đất 100m^2 (trong đó 50m^2 đất ở, 50m^2 đất vườn) tại thôn X, xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 70.3, tờ bản đố số 26 ngày 23/5/2013 đứng tên Vũ Ngọc Y,

nhà cấp bốn ba gian cũ (hiện anh B đang quản lý sử dụng). Về công nợ: vợ chồng vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V - Chi nhánh huyện S 90.000.000đ và lãi suất theo hợp đồng tín dụng số: 2805-144019000/HĐTD/2016 ngày 17/5/2016 (đã trả 15.000.000đ còn 75.000.000đ), vay Quỹ tín dụng thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc 50.000.000đ và lãi suất theo hợp đồng tín dụng số: 002495/HĐTD ngày 31/10/2016, chị Nguyễn Thị M (chị gái anh B) 10.000.000đ; trú tại: thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc . Nay anh xin sử dụng toàn bộ tài sản và trả toàn bộ công nợ.

Về tài sản riêng: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V; người đại diện theo ủy quyền lại chị Hà Thị Ngọc Á- phó trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V - Chi nhánh huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc vắng mặt tại phiên tòa, chị có đơn xin xét xử vắng mặt trong quá trình giải quyết chị trình bày: Ngày 17/5/20146 chị Y, anh B vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V - Chi nhánh huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc số tiền 90.000.000đ tiền gốc, mục đích vay để mua sắm vật dụng sinh hoạt và sửa chữa nhà ở theo hợp đồng tín dụng số: 2805-144019000/HĐTD/2016 ngày 17/5/2016, thời hạn vay 36 tháng, gồm các phân kỳ trả nợ ngày 17/5/2017 là 15.000.000đ, 17/5/2018 là 25.000.000đ, 17/5/2019 là 50.000.000đ. Phân kỳ trả lãi là 01 tháng/ lần vào ngày 17 hàng tháng, lãi suất là 11%/ năm, tài sản bảo đảm là 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 137741 đứng tên chị Vũ Ngọc Y, lãi suất anh chị đã trả đủ cho Ngân hàng và đã trả 15.000.000đ tiền gốc. Hiện nay do trả nợ gốc phân kỳ của anh B, chị Y chậm trễ nên dư nợ là 75.000.000đ đang nằm trong nhóm nợ quá hạn. Chị đã được Tòa án thông báo về nội dung thỏa thuận của chị Y và anh B tại buổi hòa giải Ngân hàng không đồng ý. Ngân hàng yêu cầu chị Y, anh B trả toàn bộ 75.000.000đ tiền gốc và lãi phát sinh đến khi trả hết nợ trước khi Tòa án giải quyết vụ án. Chị đã được Tòa án giải thích về yêu cầu độc lập trong vụ án Ngân hàng chỉ xác nhận chị Y, anh B vay nợ và không đề nghị giải quyết trong cùng vụ án chia tài sản sau ly hôn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Quỹ Tín dụng nhân dân thị trấn L; đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ngọc M- Chủ tịch Hội đồng quản trị, vắng mặt tại phiên tòa ông có đơn xin xét xử vắng mặt quá trình giải quyết ông trình bày: Ngày 31/10/2016 anh Nguyễn Anh B vay của quỹ tín dụng số tiền gốc 50.000.000đ, lãi suất là 0,95%/ tháng theo hợp đồng tín dụng số: 002495/HĐTD ngày 31/10/2016, chị Vũ Thị Y vợ anh B ký là người thừa kế vay vốn anh B đã đã nộp lãi hết ngày 03/7/2017. Khi vay anh B có thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm theo mang tên Nguyễn Anh B, thời hạn vay là 24 tháng từ ngày 31/10/2016 đến 31/10/2018 và hiện nay cũng chưa đến hạn trả nợ. Do hiện nay anh B, chị Y đã ly hôn anh chị thỏa thuận để anh B trả nợ cho Quỹ tín

dụng khoản tiền anh chị đã vay hợp đồng anh B đứng vay, chị Y đứng thừa kế, ông đồng ý không có ý kiến gì. Ông đã được nghe Tòa án giải thích về yêu cầu độc lập trong vụ án nhưng ông chỉ xác nhận anh B, chị Y vay nợ của Quỹ tín dụng và không đề nghị giải quyết trong cùng vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa, chị có đơn xin xét xử vắng mặt quá trình giải quyết chị trình bày: Chị có quan hệ là chị gái anh B, khoảng năm 2013 chị có cho anh B, chị Y vay 10.000.000đ là khoản tiền riêng của chị khi vay không viết giấy tờ, không thỏa thuận lãi. Khi cho vay thỏa thuận khi nào chị có việc thì anh chị trả cho chị nhưng đến nay chưa trả. Nay anh chị chia tài sản chị đề nghị nếu anh B sử dụng toàn bộ tài sản thì anh B trả lại tiền cho chị và chị không đề nghị tính lãi suất. Chị đã được nghe Tòa án giải thích về yêu cầu độc lập trong vụ án nhưng chị chỉ xác nhận anh B, chị Y vay nợ của của chị và không đề nghị giải quyết trong cùng vụ án.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 33,59,60,62 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1. Công nhận sự thỏa thuận về tài sản và công nợ: Anh Nguyễn Anh B sử dụng tài sản gồm: diện tích đất 100m^2 (trong đó 50m^2 đất ở, 50m^2 đất vườn) tại thôn X, xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 70.3, tờ bản đố số 26 ngày 23/5/2013 đứng tên Vũ Ngọc Y trị giá 80.000.000đ, nhà 01 tầng mái ngói sườn gỗ, tường xây gạch, trần tôn lạnh đã cũ trị giá là 76.703.247đ. Tổng trị giá tài sản là 156.703.247đ hiện anh B đang quản lý sử dụng và trả nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V - Chi nhánh huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc 75.000.000đ và lãi suất theo hợp đồng tín dụng số: 2805-144019000/HĐTD/2016 ngày 17/5/2016, Quỹ tín dụng thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc 50.000.000đ và lãi suất theo hợp đồng tín dụng số: 002495/HĐTD ngày 31/10/2016, chị Nguyễn thị M (chị gái anh B) 10.000.000đ; trú tại: thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Tổng khoản nợ 135.000.000đ. Anh B không phải thanh toán chênh lệch tài sản gì cho chị Y.

2. Về tài sản riêng: Do chị Y và anh B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về chi phí tố tụng: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Y không yêu cầu anh B phải chịu tiền định giá tài sản.

4.Về án phí: Anh Nguyễn Anh B phải chịu án phí phân chia tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa chị Vũ Ngọc Y và anh Nguyễn Anh B là quan hệ tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Các bên không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng. Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật về thẩm quyền được quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thời hiệu khởi kiện và quan hệ tranh chấp: Chị Vũ Ngọc Y yêu cầu anh Nguyễn Anh B chia tài sản chung sau thời ký hôn nhân gồm: diện tích đất 100m^2 (trong đó 50m^2 đất ở, 50m^2 đất vườn) tại thôn X, xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 70.3, tờ bản đố số 26 ngày 23/5/2013 đứng tên Vũ Ngọc Y, nhà 01 tầng mái ngói sườn gỗ, tường xây gạch, trần tôn lạnh đã cũ. Đây là tranh chấp chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 155 Bộ luật dân sự năm 2015 thì không áp dụng thời hiệu.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Anh B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V, Quỹ Tín dụng nhân dân thị trấn L, chị Nguyễn Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[4] Về nội dung: Chị Y và anh B là vợ chồng từ năm 2007, quá trình vợ chồng chung sống đã tạo lập được khối tài sản chung của vợ chồng như biên bản định giá ngày 09/5/2017 gồm: diện tích đất 100m^2 (trong đó 50m^2 đất ở, 50m^2 đất vườn) tại thôn X, xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 70.3, tờ bản đố số 26 ngày 23/5/2013 đứng tên Vũ Ngọc Y trị giá 80.000.000đ, nhà 01 tầng mái ngói sườn gỗ, tường xây gạch, trần tôn lạnh đã cũ trị giá là 76.703.247đ. Tổng trị giá tài sản là 156.703.247đ hiện anh B đang quản lý sử dụng. Tại biên bản hòa giải thành ngày 19/5/2017 chị Y và anh B thỏa thuận để anh B sử dụng toàn bộ tài sản và không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Y là tự nguyện nên chấp nhận.

[5] Về tài sản riêng: Do chị Y và anh B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về công nợ: Chị Y, anh B xác nhận vợ chồng vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V – Chi nhánh huyện S 90.000.000đ và lãi suất theo hợp đồng tín dụng số: 2805-144019000/HĐTD/2016 ngày 17/5/2016 (đã trả 15.000.000đ còn 75.000.000đ), vay Quỹ tín dụng thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc 50.000.000đ và lãi suất theo hợp đồng tín dụng số: 002495/HĐTD ngày 31/10/2016, chị Nguyễn thị M (chị gái anh B) 10.000.000đ; trú tại: thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Tại biên bản hòa giải thành ngày 19/5/2017 chị Y và anh B thỏa thuận để anh B trả nợ toàn bộ là tự nguyện nên chấp nhận.

Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Tòa án đã giải thích về yêu cầu độc lập trong vụ án đều không có yêu cầu độc lập và không đề nghị giải quyết trong cùng vụ án. Sau khi Tòa án tiến hành hòa giải và tiến hành công khai chứng cứ đã được thông báo về việc chị Y, anh B thỏa thuận về việc chị Y để anh B sử dụng toàn bộ tài sản và trả nợ toàn bộ công nợ thì đều nhất trí không có ý kiến gì. Riêng đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V - Chi nhánh huyện S không đồng ý với thỏa thuận của chị Y và anh B. Ngân hàng yêu cầu chị Y, anh B trả toàn bộ 75.000.000đ tiền gốc và lãi phát sinh đến khi trả hết nợ trước khi Tòa án giải quyết vụ án là không phù hợp. Việc chị Y, anh B thỏa thuận để anh B trả nợ Ngân hàng là tự nguyện nên được chấp nhận.

[7] Về chi phí tố tụng: Ngày 12/4/2017 chị Y làm đơn yêu cầu Tòa án thành lập Hội đồng định giá toàn bộ tài sản chung vợ chồng, ngày 17/4/2017 Tòa án nhân dân huyện Sông Lô có thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí định giá, ngày 24/4/2017 chị Y đã nộp tạm ứng 500.000đ. Ngày 09/5/2017 đã tiến hành định giá tài sản chung của vợ chồng chi phí hết 500.000đ chị Y tự nguyện không yêu cầu anh B phải thanh toán khoản tiền chi phí định giá là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Anh B phải chịu án phí phân chia tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 33,59, 60, 62 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1.Về tài sản chung: Giao cho anh Nguyễn Anh B sử dụng tài sản gồm: Diện tích đất 100m^2 (trong đó 50m^2 đất ở, 50m^2 đất vườn) tại thôn X, xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 70.3, tờ bản đố số 26 ngày 23/5/2013 đứng tên Vũ Ngọc Y trị giá 80.000.000đ, nhà 01 tầng mái ngói sườn gỗ, tường xây gạch, trần tôn lạnh đã cũ trị giá là 76.70.247đ. Tổng trị giá tài sản là 156.703.247đ hiện anh Bằng đang quản lý sử dụng. Anh B không phải thanh toán chênh lệch tài sản gì cho chị Y.

2. Về công nợ: Giao anh B tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V - Chi nhánh huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc 75.000.000đ tiền gốc và lãi suất theo hợp đồng tín dụng số: 2805-144019000/HĐTD/2016 ngày 17/5/2016, Quỹ tín dụng thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc 50.000.000đ tiền gốc và lãi suất theo hợp đồng tín dụng số: 002495/HĐTD ngày 31/10/2016, chị Nguyễn Thị M (chị gái anh B) 10.000.000đ; trú tại: thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Tổng khoản nợ 135.000.000đ.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Anh B phải chịu 542.580đ án phí phân chia tài sản. Trả lại chị Y 3.750.000đ là khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2014/0001925 ngày 28/3/2017 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Toà án cấp trên để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyến kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận bản án hoặc niêm yết tại Uỷ ban nhân dân xã nơi cư trú của người vắng mặt./.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Sông Lô;*
- *Chi cục THADS huyện Sông Lô;*
- *UBND xã T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Huệ